

Q326E055362
(MTIN26007713.50)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

03/06/2026

Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu
Name of sample : NƯỚC SẠCH
Chi nhánh cấp nước CưMgar
Vị trí lấy mẫu: Trạm y tế 81 tổ dân phố Quyết Tiến, Xã Quảng Phú,
Tỉnh Đắk Lắk
- Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Sample name and sample information were supplied by customer.*
- Dạng mẫu: lỏng / *Form: liquid*
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / *Container: plastic bottle*
- Số đơn vị/mẫu: 1 L, x 04 / *Unit/sample: 1 L x 04*
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số
MTIN26007713 ngày 19/05/2026 / *Sampling and on-site testing according to record NoMTIN26007713 dated 19/05/2026*
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 19/05/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 19/05/2026 - 03/06/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB

Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung



Q326E055362
(MITN26007713.50)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/06/2026
Trang/ Page: 2/3

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1
7.2	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1
7.3	Hàm lượng ascen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	< 0,001 (LOQ)	0,0005
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(H1) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,5	-
7.5	Mùi ^(H1) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-
7.6	Độ màu Color	Pl.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5
7.7	Độ pH ^(H1) pH value	-	TCVN 6492:2011	7,5	-
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5
7.9	Coliforms	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(e)	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo do mô rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95% confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Qatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email dh.cs@qatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QATEST 3 at the email addresses dh.cs@qatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Ủy ban Phòng Công nhận Chất lượng (BVQI)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viets 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



Q326F055362
 (MTTN26007713.50)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/06/2026

Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.10	Escherichia coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(e)	-

Ghi chú / Note:

- III: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 19/05/2026. / Characteristics analyzed on site on 19/05/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: United States Environmental Protection Agency
- SMFWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử / Limit of quantification of method
- (e): Kết quả được biểu thị “< 1 CFU” được xem là “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result “< 1 CFU” is considered “target organism not - detectable” in the volume of sample analysed
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của mọi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bù chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BuA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited at conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326F055362
(MTTN26007713.51)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

03/06/2026

Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu
Name of sample : NƯỚC SẠCH
Chi nhánh cấp nước CưMgar
Vị trí lấy mẫu: Chi nhánh Quảng Phú, 03 Y Ngông, Xã Quảng Phú,
Tỉnh Đắk Lắk
- Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Sample name and sample information were supplied by customer.*
- Dạng mẫu: lỏng / *Form: liquid*
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / *Container: plastic bottle*
- Số đơn vị/mẫu: 1 L x 04 / *Unit/sample: 1 L x 04*
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26007713 ngày 19/05/2026 / *Sampling and on-site testing according to record No.MTTN26007713 dated 19/05/2026*
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 19/05/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 19/05/2026 - 03/06/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

TRƯỞNG PHÒNG MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL LAB

Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

Q326E055362
(MTTN26007713.51)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/06/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1
7.2	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1
7.3	Hàm lượng ascen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,4	-
7.5	Mùi ^(HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-
7.6	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5
7.7	Độ pH ^(HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	7,1	-
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5
7.9	Coliforms	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amđ 1:2016	< 1 ^(c)	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mô tổng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dlh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dlh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viện 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E055362
(MITN26007713.51)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/06/2026

Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.10	Escherichia coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	<1 ^(e)	-

Ghi chú / Note:

- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 19/05/2026. / Characteristics analyzed on site on 19/05/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- ^(e): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the volume of sample analysed
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dl.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dl.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BQA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viac 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326L055362
(MTTN26007713.52)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

03/06/2026

Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu
Name of sample : NƯỚC SẠCH
Chi nhánh cấp nước CủMgar
Vị trí lấy mẫu: Hộ gia đình, 03-05 Hùng Vương, Xã Quảng Phú, Tỉnh Đắk Lắk
- Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Sample name and sample information were supplied by customer.*
- Dạng mẫu: lỏng / *Form: liquid*
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / *Container: plastic bottle*
- Số đơn vị/mẫu: 1 L x 04 / *Unit/sample: 1 L x 04*
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26007713 ngày 19/05/2026 / *Sampling and on-site testing according to record NoMTTN26007713 dated 19/05/2026*
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 19/05/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 19/05/2026 - 03/06/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL LAB



Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the nominally submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính và độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ Thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

7. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

8. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

9. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

10. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

11. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

12. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326E055362
 (MTTN26007713.52)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/06/2026

Trang/ Page: 2/3



STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1
7.2	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1
7.3	Hàm lượng ascn (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	< 0,001 (LOQ)	0,0005
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,2	-
7.5	Mùi ^(HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-
7.6	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5
7.7	Độ pH ^(HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	7,4	-
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5
7.9	Coliforms	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo đo mà tổng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, ở 95 % confidence level.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dl.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dl.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming in ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E055362
 (MTTN26007713.52)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/06/2026

Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.10	Escherichia coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-

Ghi chú / Note:

- III: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 19/05/2026. / Characteristics analyzed on site on 19/05/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử / Limit of quantification of method
- (c): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the volume of sample analysed
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E055362
(MTTN26007713.49)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

03/06/2026

Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu
Name of sample : NƯỚC SẠCH
Chi nhánh cấp nước CủMgar
Vị trí lấy mẫu: Trạm xử lý EaPôk, Thôn Toàn Thắng, Xã Quảng Phú, Tỉnh Đắk Lắk
- Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Sample name and sample information were supplied by customer.*
- Dạng mẫu: lỏng / *Form: liquid*
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / *Container: plastic bottle*
- Số đơn vị/mẫu: 1 L x 04 / *Unit/sample: 1 L x 04*
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26007713 ngày 19/05/2026 / *Sampling and on-site testing according to record NoMTTN26007713 dated 19/05/2026*
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 19/05/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 19/05/2026 - 03/06/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB

Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

Q326E055362
 (MTTN26007713.49)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/06/2026

Trang/ Page: 2/3



STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1
7.2	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (Số màu/ Colorimetric)	KPH	0,1
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	< 0,001 (LOQ)	0,0005
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(H1) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,7	-
7.5	Mùi ^(H1) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-
7.6	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5
7.7	Độ pH ^(H1) pH value	-	TCVN 6492:2011	7,2	-
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5
7.9	Coliforms	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	<1 ^(c)	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo do mô rộng được tính và độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản hồ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (Bộ A)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



Q326E055362
 (MTTN26007713.49)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/06/2026

Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.10	Escherichia coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	<1 ^(c)	-

Ghi chú / Note:

- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 19/05/2026. / Characteristics analyzed on site on 19/05/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử / Limit of quantification of method
- (c): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the volume of sample analysed
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo đo mô rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.es@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.es@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BuK)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E055362
(MTTN26007713.32)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/06/2026

Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu
Name of sample : NƯỚC SẠCH
Chi nhánh cấp nước Krông Pắc
Vị trí lấy mẫu: Hộ gia đình, 35B Trần Phú, Xã Krông Pắc, Tỉnh Đắk Lắk.
- Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Sample name and sample information were supplied by customer.*
- Dạng mẫu: lỏng / *Form: liquid*
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / *Container: plastic bottle*
- Số đơn vị/mẫu: 1 L x 04 / *Unit/sample: 1 L x 04*
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26007713 ngày 22/05/2026 / *Sampling and on-site testing according to record No MTTN26007713 dated 22/05/2026*
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 22/05/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 22/05/2026 - 03/06/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB



Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phạm bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated in the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*



Q326E055362
(MTTN26007713.32)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/06/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate Index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1
7.2	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) (III) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,6	-
7.5	Mùi (III) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-
7.6	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5
7.7	Độ pH (III) pH value	-	TCVN 6492:2011	6,7	-
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5
7.9	Coliforms	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(*)	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (Bộ A)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



Q326E055362
(MTIN26007713.32)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/06/2026

Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.10	Escherichia coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-

Ghi chú / Note:

- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 22/05/2026. / Characteristics analyzed on site on 22/05/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- (c): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the volume of sample analysed
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dl.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dl.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (HoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vieta 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E055362
(MTTN26007713.33)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

03/06/2026

Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu
Name of sample : NƯỚC SẠCH
Chi nhánh cấp nước Krông Pắc
Vị trí lấy mẫu: Hộ gia đình, 17 Trần Hưng Đạo, Xã Krông Pắc, Tỉnh Đắk Lắk.
- Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Sample name and sample information were supplied by customer.*
- Dạng mẫu: lỏng / *Form: liquid*
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / *Container: plastic bottle*
- Số đơn vị/mẫu: 1 L x 04 / *Unit/sample: 1 L x 04*
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26007713 ngày 22/05/2026 / *Sampling and on-site testing according to record No MTTN26007713 dated 22/05/2026*
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 22/05/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 22/05/2026 - 03/06/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB



Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bù chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email address dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viên 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326F055362
 (MTTN26007713.33)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/06/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1
7.2	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,5	-
7.5	Mùi ^(HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-
7.6	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5
7.7	Độ pH ^(HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	6,8	-
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5
7.9	Coliforms	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	<1 ^(e)	-

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (HoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



Q326E055362
(MTTN26007713.33)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/06/2026

Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.10	Escherichia coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(e)	-

Ghi chú / Note:

- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 22/05/2026. / Characteristics analyzed on site on 22/05/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- (e): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the volume of sample analysed
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Pilar 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E055362
(MTTN26007713.31)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

03/06/2026

Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu
Name of sample : NƯỚC SẠCH
Chi nhánh cấp nước Krông Pắc
Vị trí lấy mẫu: Trạm xử lý nước, 546 Giải Phóng, Xã Krông Pắc,
Tỉnh Đắk Lắk.
- Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Sample name and
sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / Container: plastic bottle
- Số đơn vị/mẫu: 1 L. x 04 / Unit/sample: 1 L. x 04
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số
MTTN26007713 ngày 22/05/2026 / Sampling and on-site testing
according to record No MTTN26007713 dated 22/05/2026
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 22/05/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 22/05/2026 - 03/06/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB

Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

Q326E055362
 (MTTN26007713.31)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/06/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/l.	TCVN 6186:1996	KPH	1
7.2	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1
7.3	Hàm lượng ascn (As) Arsenic content	mg/L.	US EPA 200.8	KPH	0,0005
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,5	-
7.5	Mùi ^(HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-
7.6	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5
7.7	Độ pH ^(HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	6,5	-
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5
7.9	Coliforms	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA) - Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



Q326F055362
(MTTN26007713.31)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/06/2026

Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.10	Escherichia coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-

Ghi chú / Note:

- III: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 22/05/2026. / Characteristics analyzed on site on 22/05/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: United States Environmental Protection Agency
- SMFWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization
- KPII: Không phát hiện / Not detected
- (c): Kết quả được biểu thị “< 1 CFU” được xem là “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result “< 1 CFU” is considered “target organism not - detectable” in the volume of sample analysed
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E055362
(MITN26007713.04)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

03/06/2026

Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu**
Name of sample : **NƯỚC SẠCH**
Chi nhánh cấp nước Ea Súp
Vị trí lấy mẫu: Trạm xử lý nước 164, Thôn 6, Xã Ea Súp, Tỉnh Đắk Lắk
- Mô tả mẫu**
Description : **Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Sample name and sample information were supplied by customer.**
- **Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid**
- **Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / Container: plastic bottle**
- **Số đơn vị/mẫu: 1 L x 04 / Unit/sample: 1 L x 04**
- **Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MITN26007713 ngày 18/05/2026 / Sampling and on-site testing according to record NoMITN26007713 dated 18/05/2026**
- Số lượng mẫu**
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu**
Date of receipt : 18/05/2026
- Thời gian thử nghiệm**
Testing duration : 18/05/2026 - 03/06/2026
- Nơi gửi mẫu**
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm**
Testing result (s) : **Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)**

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB



Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR



Phan Thành Trung

Q326E055362
 (MTTN26007713.04)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/06/2026
 Trang/ Page: 2/3



SIT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1
7.2	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	1,0	-
7.5	Mùi ^(HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-
7.6	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5
7.7	Độ pH ^(HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	7,3	-
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5
7.9	Coliforms	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(e)	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the sample submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k - 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k - 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được tái sản xuất một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses: info@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.
 BM105.02.VIL (HL: 07/07/2025)

Q326E055362
(MTTN26007713.04)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/06/2026

Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.10	Escherichia coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-

Ghi chú / Note:

- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 18/05/2026. / Characteristics analyzed on site on 18/05/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization
- KPII: Không phát hiện / Not detected
- (c): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the volume of sample analysed
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phạm vi chính xác tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses: info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E055362
(MTTN26007713.05)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/06/2026
Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu
Name of sample : **NƯỚC SẠCH**
Chi nhánh cấp nước Ea Súp
Vị trí lấy mẫu: Hộ gia đình, 46 Điện Biên Phủ, Xã Ea Súp, Tỉnh Đắk Lắk
- Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Sample name and sample information were supplied by customer.*
- Dạng mẫu: lỏng / *Form: liquid*
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / *Container: plastic bottle*
- Số đơn vị/mẫu: 1 L x 04 / *Unit/sample: 1 L x 04*
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26007713 ngày 18/05/2026 / *Sampling and on-site testing according to record NoMTTN26007713 dated 18/05/2026*
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 18/05/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 18/05/2026 - 03/06/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB


Nguyễn Hoàng Linh

KI. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

Q326E055362
 (MTTN26007713.05)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/06/2026

Trang/ Page: 2/3



STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1
7.2	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,8	-
7.5	Mùi ^(HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-
7.6	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5
7.7	Độ pH ^(HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	7,4	-
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5
7.9	Coliforms	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	<1 ^(e)	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BộA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viets 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



Q326E055362
 (MTTN26007713.05)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/06/2026

Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.10	Escherichia coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(*)	-

Ghi chú / Note:

- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 18/05/2026. / Characteristics analyzed on site on 18/05/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- (*): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the volume of sample analysed
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95% confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dlc@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dlc@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BnA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326F055362
(MTTN26007713.06)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/06/2026

Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu
Name of sample : **NƯỚC SẠCH**
Chi nhánh cấp nước Ea Súp
Vị trí lấy mẫu: Hộ gia đình, 33 Phạm Ngọc Thạch, Xã Ea Súp, Tỉnh Đắk Lắk
- Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Sample name and sample information were supplied by customer.*
- Dạng mẫu: lỏng / *Form: liquid*
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / *Container: plastic bottle*
- Số đơn vị/mẫu: 1 L, x 04 / *Unit/sample: 1 L x 04*
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26007713 ngày 18/05/2026 / *Sampling and on-site testing according to record NoMTTN26007713 dated 18/05/2026*
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 18/05/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 18/05/2026 - 03/06/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL LAB

Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

Q326E055362
(MTTN26007713.06)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/06/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1
7.2	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(II) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,5	-
7.5	Mùi ^(III) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-
7.6	Độ màu Color	Pl.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5
7.7	Độ pH ^(III) pH value	-	TCVN 6492:2011	7,2	-
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5
7.9	Coliforms	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(e)	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo độ mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dlh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dlh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BnA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326F055362
 (MTTN26007713.06)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/06/2026

Trang/ Page: 3/3



STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.10	Escherichia coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-

Ghi chú / Note:

- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 18/05/2026. / Characteristics analyzed on site on 18/05/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- (c): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the volume of sample analysed
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

2



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bù chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dl.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dl.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E055362
(MTTN26007713.30)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

03/06/2026

Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu
Name of sample : NƯỚC SẠCH
Chi nhánh cấp nước Eakar
Vị trí lấy mẫu: Hộ gia đình, 10 Trần Hưng Đạo, Xã Eakar, Tỉnh Đắk Lắk.
- Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / Container: plastic bottle
- Số đơn vị/mẫu: 1 L x 04 / Unit/sample: 1 L x 04
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26007713 ngày 21/05/2026 / Sampling and on-site testing according to record NoMTTN26007713 dated 21/05/2026
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 21/05/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 21/05/2026 - 03/06/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB

Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bù chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Qatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email ds.cs@qatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QATEST 3 at the email addresses ds.cs@qatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



Q326L055362
 (MTTN26007713.30)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/06/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1
7.2	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1
7.3	Hàm lượng ascen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,4	-
7.5	Mùi ^(HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-
7.6	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5
7.7	Độ pH ^(HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	7,4	-
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5
7.9	Coliforms	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(*)	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the *nomely* submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo đo mức rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (Bộ A)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



Q326E055362
 (MITN26007713.30)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/06/2026

Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.10	Escherichia coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(*)	-

Ghi chú / Note:

- H_T: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 21/05/2026. / Characteristics analyzed on site on 21/05/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- (*): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the volume of sample analysed
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản hồi chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E055362
(MTTN26007713.22)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

03/06/2026

Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu
Name of sample : NƯỚC SẠCH
Chi nhánh cấp nước Krông Năng
Vị trí lấy mẫu: Hộ gia đình, 137 Hùng Vương, Xã Krông Năng, Tỉnh Đắk Lắk
- Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / Container: plastic bottle
- Số đơn vị/mẫu: 1 L x 04 / Unit/sample: 1 L x 04
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26007713 ngày 21/05/2026 / Sampling and on-site testing according to record No MTTN26007713 dated 21/05/2026
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 21/05/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 21/05/2026 - 03/06/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB

Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.ca@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.ca@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viết 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



Q326F055362
(MTTN26007713.22)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/06/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1
7.2	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,6	-
7.5	Mùi ^(HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-
7.6	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5
7.7	Độ pH ^(HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	7,0	-
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5
7.9	Coliforms	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(*)	-

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the samples submitted only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated at the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004), Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



Q326E055362
(MTTN26007713.22)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/06/2026

Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.10	Escherichia coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amđ 1:2016	< 1 ^(c)	-

Ghi chú / Note:

- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 21/05/2026. / Characteristics analyzed on site on 21/05/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- ^(c): Kết quả được biểu thị “< 1 CFU” được xem là “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result “< 1 CFU” is considered “target organism not - detectable” in the volume of sample analysed
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming in ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E055362
(MTTN26007713.23)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

03/06/2026

Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu
Name of sample : NƯỚC SẠCH
Chi nhánh cấp nước Krông Năng
Vị trí lấy mẫu: Hộ gia đình ,60 Hùng Vương, Xã Krông Năng, Tỉnh Đắk Lắk
- Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / Container: plastic bottle
- Số đơn vị/mẫu: 1 L x 04 / Unit/sample: 1 L x 04
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26007713 ngày 21/05/2026 / Sampling and on-site testing according to record No MTTN26007713 dated 21/05/2026
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 21/05/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 21/05/2026 - 03/06/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

TRƯỞNG PIN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB



Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bở chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.viet@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.viet@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E055362
(MTTN26007713.23)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/06/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1
7.2	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(IT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,2	-
7.5	Mùi ^(IT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-
7.6	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5
7.7	Độ pH ^(IT) pH value	-	TCVN 6492:2011	6,9	-
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5
7.9	Coliforms	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email dh.ca@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.ca@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326L055362
(MITN26007713.23)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/06/2026

Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.10	Escherichia coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(*)	-

Ghi chú / Note:

- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 21/05/2026. / Characteristics analyzed on site on 21/05/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- (*): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the volume of sample analysed
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (HoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E055362
(MTTN26007713.21)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/06/2026

Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu
Name of sample : **NƯỚC SẠCH**
Chi nhánh cấp nước Krông Năng
Vị trí lấy mẫu: Trạm xử lý nước, 02 Tuệ Tĩnh, Xã Krông Năng, Tỉnh Đắk Lắk
- Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / Container: plastic bottle
- Số đơn vị/mẫu: 1 L x 04 / Unit/sample: 1 L x 04
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26007713 ngày 21/05/2026 / Sampling and on-site testing according to record No MTTN26007713 dated 21/05/2026
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 21/05/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 21/05/2026 - 03/06/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

TRƯỜNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB



Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email address dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viết 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



Q326E055362
 (MTTN26007713.21)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/06/2026

Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.10	Escherichia coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(*)	-

Ghi chú / Note:

- HT: Chi tiêu phân tích tại hiện trường ngày 21/05/2026. / Characteristics analyzed on site on 21/05/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- (*): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the volume of sample analysed
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the samples submitted only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written at customer's request.
 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được trình bày ở đây không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (Bộ A)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E055362
(MITN26007713.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/06/2026
Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu**
Name of sample : **NƯỚC SẠCH**
Chi nhánh cấp nước Buôn Đôn
Vị trí lấy mẫu: Trạm xử lý nước, Thôn Ea Duát, Xã Eawer, Tỉnh Đắk Lắk
- Mô tả mẫu**
Description : **Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Sample name and sample information were supplied by customer.**
- **Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid**
- **Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / Container: plastic bottle**
- **Số đơn vị/mẫu: 1 L x 04 / Unit/sample: 1 L x 04**
- **Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MITN26007713 ngày 18/05/2026 / Sampling and on-site testing according to record No MITN26007713 dated 18/05/2026**
- Số lượng mẫu**
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu**
Date of receipt : 18/05/2026
- Thời gian thử nghiệm**
Testing duration : 18/05/2026 - 03/06/2026
- Nơi gửi mẫu**
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm**
Testing result (s) : **Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)**

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB



Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn (tương ứng với 95 % độ tin cậy).
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dt.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dt.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BộA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (ViLAS 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (ViLAS 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326E055362
(MTTN26007713.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/06/2026

Trang/ Page: 2/3



STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1
7.2	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,8	-
7.5	Mùi ^(HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-
7.6	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5
7.7	Độ pH ^(HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	7,1	-
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5
7.9	Coliforms	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written at customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được tái sản xuất một phần hoặc toàn bộ kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses: info@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E055362
(MTTN26007713.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/06/2026

Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.10	Escherichia coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(*)	-

Ghi chú / Note:

- III: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 18/05/2026. / Characteristics analyzed on site on 18/05/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: United States Environmental Protection Agency
- SMFWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- ^(*): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the volume of sample analysed
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của bạn gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dlc@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dlc@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E055362
(MTTN26007713.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/06/2026
Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu**
Name of sample : **NƯỚC SẠCH**
Chi nhánh cấp nước Buôn Đôn
Vị trí lấy mẫu: Hộ gia đình, 28 Thôn Hà Bắc, Xã Ea Wer, Tỉnh Đắk Lắk
- Mô tả mẫu**
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Sample name and sample information were supplied by customer.*
- **Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid**
- **Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / Container: plastic bottle**
- **Số đơn vị/mẫu: 1 L x 04 / Unit/sample: 1 L x 04**
- **Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26007713 ngày 18/05/2026 / Sampling and on-site testing according to record NoMITN26007713 dated 18/05/2026**
- Số lượng mẫu**
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu**
Date of receipt : 18/05/2026
- Thời gian thử nghiệm**
Testing duration : 18/05/2026 - 03/06/2026
- Nơi gửi mẫu**
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm**
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL LAB

Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

Q326E055362
(MTTN26007713.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/06/2026

Trang/ Page: 2/3



STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1
7.2	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (Số màu/ Colorimetric)	KPH	0,1
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) (HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,4	-
7.5	Mùi (HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-
7.6	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5
7.7	Độ pH (HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	7,1	-
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5
7.9	Coliforms	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(*)	-

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viets 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E055362
(MTTN26007713.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/06/2026

Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.10	Escherichia coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-

Ghi chú / Note:

- III: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 18/05/2026. / Characteristics analyzed on site on 18/05/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- (c): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the volume of sample analysed
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the samples submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.es@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.es@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (ĐuA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E055362
(MTTN26007713.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/06/2026
Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu
Name of sample : **NƯỚC SẠCH**
Chi nhánh cấp nước Buôn Đôn
Vị trí lấy mẫu: Hộ gia đình, 47 Thôn 15 Tân Hòa, Xã Ea Wer, Tỉnh Đắk Lắk
- Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / Container: plastic bottle
- Số đơn vị/mẫu: 1 L x 04 / Unit/sample: 1 L x 04
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26007713 ngày 18/05/2026 / Sampling and on-site testing according to record No MTTN26007713 dated 18/05/2026
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 18/05/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 18/05/2026 - 03/06/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB

Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/l.	TCVN 6186:1996	KPII	1
7.2	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/l.	US EPA 350.2 (Số màu/ Colorimetric)	KPII	0,1
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/l.	US EPA 200.8	KPII	0,0005
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,5	-
7.5	Mùi ^(HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-
7.6	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5
7.7	Độ pH ^(HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	7,2	-
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5
7.9	Coliforms	CFU/100mL.	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	<1 ^(c)	-

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được sinh từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, of 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (HQA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viلاس 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viلاس 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



Q326E055362
 (MTTN26007713.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/06/2026
 Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.10	Escherichia coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(e)	-

Ghi chú / Note:

- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 18/05/2026. / Characteristics analyzed on site on 18/05/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- (e): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the volume of sample analysed
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn mẫu với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sau một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dhes@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dhes@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.